TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 349/2024/HC-PT
Ngày 25 - 6 - 2024
V/v: Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Ông Phạm Đình Khánh.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Hải An, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Đỗ Quyên, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 106/2024/TLPT-HC ngày 06 tháng 3 năm 2024 về việc "*Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 97/2023/HC-ST ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 6273/2024/QĐ-PT ngày 10/6/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

***** *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Cao L, sinh năm 1968, có mặt;

Địa chỉ: Khu T, xã V, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông L: Ông Nguyễn Hà L1, bà Phạm Lệ Q, bà Nguyễn Thị T, Luật sư Văn phòng L2, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, ông L1, bà Q có mặt, bà T vắng mặt.

* *Người bị kiện*: Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) và Chủ tịch UBND huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Anh D, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện Đ (theo *Giấy ủy quyền số 43/GUQ-UBND ngày 05/7/2021*), vắng mặt;

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân xã V, huyện Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Tuấn P, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã V, huyện Đ (theo *Giấy ủy quyền ngày 07/6/2021*), vắng mặt.

2. Bà Trần Thị H, sinh năm 1974, có mặt;

3. Anh Cao Minh A, sinh năm 1998, vắng mặt;

4. Chị Cao Thị Bích N, sinh năm 2003, vắng mặt;

5. Anh Cao Minh Đ, sinh năm 2005, vắng mặt;

Địa chỉ: Khu T, xã V, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

* *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Cao L và bà Trần Thị H, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Gia đình ông Nguyễn Cao L được giao 840m^2 đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP tại xứ C, xã V, huyện Đ, Hà Nội và đã được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2000. Đến năm 2016, cấp đổi thì gia đình ông chỉ được cấp 792m^2 (giảm 48m^2). Thực hiện Dự án xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu đất xen kẹt (X4) Ma Lẻ, thôn T, xã V, huyện Đ, Thành phố Hà Nội để đấu giá quyền sử dụng đất; ngày 06/5/2020 UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 2414/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định 2414) về việc thu hồi đất để thực hiện dự án. Theo đó, gia đình ông L bị thu hồi 656,1m^2 tại thửa đất số 1 xứ C, thôn T, xã V, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Cùng ngày UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 2418/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định 2418) về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ. Theo đó, gia đình ông L được bồi thường, hỗ trợ tổng số tiền là 558.801.000 đồng. Bao gồm tiền bồi thường về đất 656,1m^2 x 135.000 đ/ m^2 = 88.573.500 đồng; Hỗ trợ ổn định đời sống (bị thu hồi 30% diện tích đang sử dụng trở lên) hỗ trợ = 12 tháng x 30 kg gạo/ tháng x 15.200.000 đồng/ kg) x 5 nhân khẩu = 27.360.000 đồng; hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm 656,1m^2 x 675.000 đồng = 442.867.500 đồng.

Ông Nguyễn Cao L cho rằng UBND huyện Đ không áp dụng đầy đủ các chế độ về bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất; cụ thể: Chưa áp dụng vị trí sinh lời và giá đất nông nghiệp trong khu dân cư theo quy định tại Điều 3, khoản 2 Điều 4 Quyết định số 30/2019/QĐ- UBND ngày 31/12/2019 của UBND Thành phố H; chưa áp dụng khoản bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại theo quy định tại Điều 3 Nghị định 47/CP/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; chưa áp dụng khoản bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất theo Điều 10 Nghị định 47/CP/2014 ngày 15/5/2014 của Chính phủ; chưa áp dụng đầy đủ mức hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất theo quy định tại Điều 19 Nghị định 47/CP.

Không đồng ý với việc thu hồi đất và bồi thường hỗ trợ của UBND huyện Đ. Ngày 6/8/2020, ông Nguyễn Cao L nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội yêu cầu: Hủy Quyết định 2414, hủy Quyết định 2418; hủy Quyết định số 4729/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định 4729) ngày 4/8/2020 của

Chủ tịch UBND huyện Đ về việc cưỡng chế thu hồi đất. Buộc UBND huyện Đ phải thực hiện bồi thường đầy đủ cho gia đình ông.

Người bị kiện là UBND và Chủ tịch UBND huyện Đ trình bày:

Theo Phương án giao đất chi tiết của hộ gia đình cá nhân được sử dụng ổn định vào mục đích sản xuất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP, hộ gia đình ông Nguyễn Cao L có số thứ tự phương án 531 gồm 02 nhân khẩu, tổng diện tích được giao là 528m^2. Tuy nhiên, trong quá trình giao đất theo phương án 64/CP, tiểu ban giao ruộng xét thấy hộ gia đình ông Nguyễn Cao L có 03 nhân khẩu đủ điều kiện được giao đất gồm: Ông Nguyễn Cao L, bà Trần Thị H và con là Cao Minh A. Vì vậy, tại thời điểm đó, tiểu ban giao đất đã giao cho hộ gia đình ông Nguyễn Cao L tổng diện tích là 792m^2 tại xứ đồng C, thôn T cho 3 nhân khẩu và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Cuối năm 2012 đầu năm 2013, khi thực hiện công tác dồn điền đổi thửa đất nông nghiệp trên địa bàn xã V, do xứ đồng C, thôn T thuộc vùng không dồn điền đổi thửa nên hộ gia đình ông Nguyễn Cao L được tiếp tục giao sử dụng 792m^2 đất nông nghiệp tại xứ đồng Cổng Hầu.

Quá trình thực hiện việc thu hồi đất:

Dự án Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu đất xen kẹt (X4) Ma Lẻ, thôn T, xã V, huyện Đ để đấu giá quyền sử dụng đất nằm trong Kế hoạch sử dụng đất của huyện Đ đã được UBND Thành phố H phê duyệt tại Quyết định số 210/QĐ-UBND năm 2018; Quyết định số 715/QĐ-UBND năm 2019; Quyết định số 887/QĐ-UBND năm 2020.

Ngày 10/10/2017, Sở T2 có Văn bản số 8462/STNMT-CCQLĐĐ hướng dẫn xác định ranh giới khu đất phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất xen kẹt (điểm X4) Ma Lẻ, thôn T, xã V, huyện Đ phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất.

Căn cứ các Quyết định của UBND thành phố về thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ GPMB, UBND huyện Đ đã ban hành Kế hoạch thu hồi đất ngày 08/10/2018 và 08 Thông báo thu hồi đất đối với các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân (trong đó: 07 Thông báo thu hồi đất đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất nông nghiệp giao theo nghị định 64/NĐ-CP và 01 thông báo thu hồi đất công do UBND xã V quản lý), thông báo Thu hồi đất được gửi tới từng hộ gia đình, cá nhân và được niêm yết tại trụ sở nhà văn hóa thôn T, UBND xã V theo quy định.

Ngày 26/11/2018, UBND huyện Đ ban hành các Quyết định số: 6648/QĐ-UBND, số 6649/QĐ-UBND về việc thành lập Hội đồng BTHTr&TĐC Huyện, Tổ công tác GPMB xã V để tổ chức thực hiện công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án. Hội đồng BTHTr&TĐC đã họp triển khai dự án; UBND - Tổ công tác GPMB xã V đã báo cáo Đảng ủy xã để triển khai kế hoạch GPMB của dự án, mục đích, ý nghĩa của dự án, trên cơ sở đó Đảng ủy đã chỉ đạo Chi bộ thôn triển khai đến chi bộ để cán bộ đảng viên nắm rõ chế độ, chính sách và kế hoạch triển khai đồng thời vận động nhân dân chấp hành.

Sau khi họp Đảng ủy mở rộng, Chi bộ thôn, Hội đồng BTHTr&TĐC Huyện, Trung tâm phát triển quỹ đất, UBND - Tổ công tác GPMB đã tổ chức họp với các hộ dân để phổ biến chính sách, giải đáp thắc mắc, kiến nghị về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, phổ biến kế hoạch GPMB thực hiện dự án.

Ngày 10/12/2018, UBND xã V đã có Thông báo số 144/TB-UBND về việc điều tra hiện trạng và xác minh nội dung kê khai của hộ gia đình, cá nhân nằm trong chỉ giới GPMB thực hiện dự án: Xây dựng HTKT khu đất xen kẹt (X4) Ma Lẻ, thôn T, xã V để đấu giá quyền sử dụng đất.

Ngày 10/12/2018, UBND xã V đã có Thông báo số 145/TB-UBND về việc nộp bản tự khai về đất đai, tài sản trên đất và nhu cầu học nghề của các hộ gia đình, cá nhân nằm trong chỉ giới GPMB thực hiện dự án.

Quá trình triển khai thực hiện dự án, đã có 05/7 hộ gia đình, cá nhân có đất nông nghiệp nằm trong ranh giới thực hiện Dự án đã đồng thuận về chủ trương, nhận tiền hỗ trợ, bàn giao mặt bằng và không có ý kiến, kiến nghị gì khác. Còn lại 02 trường hợp: Hộ gia đình ông Nguyễn Cao L, hộ gia đình ông Nguyễn Cao T1 không chấp hành nhận tiền và bàn giao mặt bằng diện tích 1.100,1m^2.

UBND-UB MTTQ, Tổ công tác GPMB xã V đã tăng cường công tác tuyên truyền, vận động các hộ dân và tổ chức nhiều hội nghị đối thoại với công dân. Tuy nhiên, sau nhiều lần vận động, hộ ông Nguyễn Cao L vẫn không chấp hành hợp tác điều tra, kê khai. UBND xã V có báo cáo đề nghị UBND huyện Đ ban hành quyết định kiểm đếm bắt buộc theo quy định.

UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 2504/QĐ-UBND ngày 27/5/2019 về việc kiểm đếm bắt buộc; Quyết định số 8078/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 về việc cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc đối với hộ gia đình ông Nguyễn Cao L. UBND xã V, Tổ công tác GPMB xã niêm yết công khai, bàn giao các quyết định cho hộ gia đình; hoàn thiện hồ sơ lập phương án BTHTr-GPMB theo quy trình, quy định.

Ngày 06/5/2020, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 2414/QĐ-UBND về việc thu hồi 656,1m^2 đất của hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Cao L để thực hiện dự án; Quyết định số 2418/QĐ-UBND v/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Nguyễn Cao L; đã phối hợp với UBND xã V tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông Nguyễn Cao L nhiều lần nhưng hộ gia đình ông L chưa nhận tiền và không bàn giao mặt bằng. UBND xã V, UBMT Tổ quốc xã, Trung tâm PTQĐ đã có báo cáo về công tác tuyên truyền vận động đối với hộ gia đình ông Nguyễn Cao L.

Ngày 04/8/2020, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 4729/QĐ-UBND cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Nguyễn Cao L.

Công tác thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ GPMB dự án đã được UBND huyện Đ, Hội đồng BTHTr&TĐC Huyện, UBND xã V và Tổ công tác GPMB xã V thực hiện đầy đủ, đảm bảo công khai, công bằng, dân chủ và đúng các quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã V trình bày:

Thửa đất gia đình ông Nguyễn Cao L bị thu hồi để thực hiện Dự án Xây dựng HTKT khu đất xen kẹt (X 4) khu Ma lẻ, xã V, huyện Đ, Hà Nội để đấu giá QSD đất có nguồn gốc là đất nông nghiệp được giao theo NĐ 64/CP. Theo phương án giao đất, hộ ông L gồm có 02 nhân khẩu được giao 528m2. Tuy nhiên, thực tế hộ ông L gồm 3 nhân khẩu đủ điều kiện được giao đất gồm: ông Nguyễn Cao L bà Trần Thị H, con Cao Minh A. Tổng diện tích được giao là 792m^2 tại xứ đồng C, thôn T.

Cuối năm 2012 khi thực hiện dồn điền đổi thửa đất nông nghiệp trên địa bàn xã V, do xứ đồng C, thôn T thuộc vùng không dồn điền đổi thửa nên hộ gia đình ông L tiếp tục được giao sử dụng 792m^2 tại xứ đồng Cổng Hầu.

Để thực hiện dự án, đất nông nghiệp tại xứ đồng Cổng Hầu hộ ông L được giao đang canh tác có một phần diện tích nằm trong chỉ giới thu hồi. Thời điểm thu hồi đất hộ ông L có 5 nhân khẩu: Vợ chồng ông L và 3 con. UBND xã V đã nhiều lần tuyên truyền, vận động thuyết phục song ông L không đồng ý việc thu hồi đất và nhận tiền.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác trong vụ án: nhất trí với ý kiến của ông L.

Với nội dung trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 97/2023/HC-ST ngày 24/5/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội đã quyết định: Căn cứ khoản 2 Điều 3; Điều 30; Điều 32; Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206 Luật tố Tụng hành chính; Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Đất đai năm 2013; Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND Thành phố H về việc ban hành quy định các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND Thành phố H về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hà Nội; Quyết định số 30 /2019/QĐ- UBND ngày 31/12/2019 của UBND Thành phố H về giá đất.

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Cao L yêu cầu hủy:

- Hủy Quyết định số 2414/QĐ-UBND ngày 06/5/2020 của UBND huyện Đ về việc thu hồi đất.

- Hủy Quyết định số 2418/QĐ-UBND ngày 06/5/2020 của UBND huyện Đ về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ.

- Hủy Quyết định số 4729/QĐ-UBND ngày 4/8/2020 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc cưỡng chế thu hồi đất.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/5/2023 và ngày 06/6/2023 Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội nhận được đơn kháng cáo của ông Nguyễn Cao L và bà Trần Thị H với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện của ông L. Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người khởi kiện trình bày như sau: Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội chưa đánh giá đúng nội dung và bản chất vụ án, xét xử không khách quan; theo kế hoạch thu hồi đất thì không thu hồi đối với đất đã có quy hoạch, diện tích đất của gia đình ông đã có quy hoạch, nhưng UBND huyện Đ vẫn tiến hành thu hồi đất là trái pháp luật; việc thu hồi đất của gia đình ông là đất nông nghiệp nhưng lại phân lô để bán đấu giá nên gia đình ông không nhất trí.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày:

- Bà Phạm Lệ Q trình bày: Người khởi kiện kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bởi các lý do sau: Bản án sơ thẩm chưa áp dụng đúng quy định của pháp luật, chưa áp dụng đúng chính sách bồi thường theo điểm 3 Điều 4 Quyết định số 30 của UBND Thành phố H, chưa xác định đúng diện tích đất của gia đình ông L. Bản án sơ thẩm có vi phạm tố tụng, cụ thể: Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/4/2023 thể hiện không đúng diện tích đất của gia đình ông L như trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo biên bản thẩm định thì thiếu 48m^2 so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực tế gia đình ông L sử dụng; Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào ý kiến của người bị kiện để xác định gia đình ông L chỉ được cấp 792m^2 mà không xem xét đến ý kiến của ông L là không chính xác, gia đình ông L là gia đình liệt sỹ, nên ngoài diện tích đất theo tiêu chuẩn thì còn được ưu tiên gia đình chính sách. UBND huyện Đ áp dụng đơn giá không đúng đối với vị trí đất, áp dụng khoản 1 Điều 4 Quyết định 30 là không đúng, chưa đầy đủ mà phải áp dụng cả khoản 2 Điều 4 Quyết định số 30; tại quyết định thu hồi đất xác định thửa đất của ông L có diện tích 792m^2 là không đúng với thực tế.

- Ông Nguyễn Hà L1 bổ sung: Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét, đánh giá hết các chứng cứ do người khởi kiện xuất trình; ông Nguyễn Cao L khởi kiện yêu cầu xác định lại vị trí đất là vị trí sinh lời, nhưng biên bản thẩm định chưa làm rõ được; bản án sơ thẩm cũng không đánh giá hết nội dung này từ đó đã quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L là thiếu căn cứ.

Các Luật sự đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông L, bà H để sử bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L hủy các quyết định hành chính của UBND huyện Đ bị khởi kiện.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông L là có căn cứ, tại cấp phúc thẩm không có thêm tình tiết nào mới, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của ông Nguyễn Cao L và bà Trần Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến Kiểm sát viên và đương sự về giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

** Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là Quyết định số 2414/QĐ-UBND ngày 06/5/2020 của UBND huyện Đ về việc thu hồi đất; Quyết định số 2418/QĐ-UBND ngày 06/5/2020 của UBND huyện Đ về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ; Quyết định số 4729/QĐ-UBND ngày 4/8/2020 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc cưỡng chế thu hồi đất. Đây là Quyết định hành chính cá biệt của UBND cấp huyện về lĩnh vực quản lý đất đai nên thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Ngày 04/8/2020 Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định 4729 về việc cưỡng chế thu hồi đất, ngày 06/8/2023 ông Nguyễn Cao L có đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án là đang trong thời hạn một năm, nên đang trong thời hiệu khởi kiện. Vì vậy, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội đã thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116 Luật Tố tụng hành chính. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù người khởi kiện không yêu cầu xem xét các quyết định hành chính là các Quyết định số 2504/QĐ-UBND ngày 27/5/2019 về việc kiểm đếm bắt buộc; Quyết định số 8078/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 về việc cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc; Quyết định số 792/QĐ-UBND ngày 7/2/2020 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại; nhưng đây là những quyết định hành chính có liên quan, nên Tòa án cấp sơ thẩm vẫn xem xét tính hợp pháp, tính có căn cứ của các quyết định này là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án và sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm người bị kiện vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, hầu hết những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có yêu cầu xử vắng mặt, hoặc đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 158; khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

** Về nội dung vụ án:*

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Cao L và bà Trần Thị H, thấy:

[3.1] Theo Phương án giao đất chi tiết của hộ gia đình cá nhân được sử dụng ổn định vào mục đích sản xuất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP, hộ gia đình ông Nguyễn Cao L có số thứ tự phương án 531 gồm 02 nhân khẩu, tổng diện tích được giao là 528m^2. Tuy nhiên, trong quá trình giao đất theo phương án 64/CP, tiểu ban giao ruộng xét thấy hộ gia đình ông Nguyễn Cao L có 03 nhân khẩu đủ điều kiện được giao đất gồm: Ông Nguyễn Cao L, bà Trần Thị H và con là Cao Minh A, nên tiểu ban giao đất đã giao cho hộ gia đình ông Nguyễn Cao L tổng diện tích là 792m^2 tại xứ đồng Cổng Hầu, thôn T và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cuối năm 2012, đầu năm 2013, khi thực hiện công tác dồn điền đổi thửa đất nông nghiệp trên địa bàn xã V, do xứ đồng C, thôn T thuộc vùng không dồn điền đổi thửa nên hộ gia đình ông Nguyễn Cao L được tiếp tục giao sử dụng 792m^2 đất nông nghiệp tại xứ đồng Cổng Hầu; hộ ông L đã sử dụng ổn định đến thời điểm bị thu hồi; ông Nguyễn Cao L cho rằng gia đình ông được cấp 840m^2 đất nông nghiệp nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, năm 2016 sau khi được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình ông L cũng không có khiếu nại hay khởi kiện gì liên quan đến diện tích được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hơn nữa, căn cứ quyết định thu hồi đất thì UBND huyện Đ chỉ thu hồi của gia đình ông L diện tích 656,1m^2, phần diện tích còn lại không thu hồi và ông L thừa nhận hiện gia đình ông vẫn đang sử dụng đối với diện tích đất này, nên quyền lợi của gia đình ông L đối với diện tích đất không bị thu hồi không bị xâm phạm.

[3.2] Về thu hồi đất và bồi thường hỗ trợ: Dự án Xây dựng HTKT khu đất xen kẹt (X4) khu M, thôn T, xã V, huyện Đ để đấu giá quyền sử dụng đất nằm trong Kế hoạch sử dụng đất của huyện Đ đã được UBND Thành phố H phê duyệt tại Quyết định số 210/QĐ-UBND năm 2018; Quyết định số 715/QĐ-UBND năm 2019; Quyết định số 887/QĐ-UBND năm 2020. Ngày 10/10/2017, Sở T2 có Văn bản số 8462/STNMT-CCQLĐĐ hướng dẫn xác định ranh giới khu đất phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất xen kẹt (điểm X4) Khu M, xã V, huyện Đ phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất. Căn cứ các quyết định của UBND Thành phố về thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ GPMB, UBND huyện Đ đã ban hành Kế hoạch thu hồi đất ngày 08/10/2018 và 08 thông báo thu hồi đất đối với các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân (trong đó: 07 Thông báo thu hồi đất đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất nông nghiệp giao theo nghị định 64/NĐ-CP và 01 thông báo thu hồi đất công do UBND xã V quản lý), thông báo thu hồi đất được gửi tới từng hộ gia đình, cá nhân và được niêm yết tại trụ sở nhà văn hóa thôn T, UBND xã V theo quy định. Sau khi có thông báo thu hồi đất UBND huyện Đ đã thực hiện đầy đủ các bước trình tự theo đúng quy định của pháp luật, như: Thành lập Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư; ban hành kế hoạch thu hồi đất. Ngày 10/12/2018, UBND xã V đã có Thông báo số 144/TB-UBND về việc điều tra hiện trạng và xác minh nội dung kê khai của hộ gia đình, cá nhân nằm trong chỉ giới GPMB thực hiện dự án; ngày 10/12/2018, UBND xã V đã có Thông báo số 145/TB-UBND về việc nộp bản tự khai về đất đai, tài sản trên đất và nhu cầu học nghề của các hộ gia đình, cá nhân nằm trong chỉ giới GPMB thực hiện dự án, nhưng hộ ông L không thực hiện, nên ngày 27/5/2019 UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 2504/QĐ-

UBND về việc kiểm đếm bắt buộc; ngày 28/10/2019 ban hành Quyết định số 8078/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc đối với hộ gia đình ông Nguyễn Cao L. UBND xã V, Tổ công tác GPMB xã niêm yết công khai, bàn giao các quyết định cho hộ gia đình; hoàn thiện hồ sơ lập phương án BTHTr-GPMB theo quy trình, quy định.

Ngày 06/5/2020, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 2414/QĐ-UBND về việc thu hồi 656,1m^2 đất nông nghiệp được giao theo nghị định 64/CP của hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Cao L để thực hiện dự án; đồng thời cùng ngày ban hành Quyết định số 2418/QĐ-UBND v/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Nguyễn Cao L, thôn T, xã V. Như vậy, về trình tự, thủ tục thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất UBND huyện Đ đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[3.3] Về chính sách bồi thường: Do diện tích đất thu hồi của gia đình ông L là 656,1m^2 là đất nông nghiệp được giao theo nghị định 64/CP, nên UBND huyện Đ đã căn cứ Điều 77 Luật Đất đai; Điều 4 Nghị định 47/2014/NĐ-CP; Điều 5 Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND Thành phố H để thực hiện chính sách bồi thường là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Theo đó, giá đất nông nghiệp được sử dụng làm cơ sở xác định giá đất trong tính tiền bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất được thực hiện theo Quyết định số 30/QĐ - UBND ngày 31/12/2019; cụ thể: Giá đất nông nghiệp trồng lúa nước: 135.000 đồng/m^2; tổng số tiền đất gia đình ông L được bồi thường là 88.573.500 đồng (656,1 m^2 x 135.000 đ/m^2). Về chính sách hỗ trợ khác, như: Hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm với tổng số tiền là 497.587.500 đồng là đúng quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai; Điều 19 Nghị định 47/NĐ-CP; Điều 21, 22 Quyết định số 10/QĐ-UBND. Theo đó, tổng số tiền hộ ông L được nhận là 558.801.000 đồng.

Như vậy, việc UBND huyện Đ ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường đối với hộ ông Nguyễn Cao L là đúng quy định, đã áp dụng đầy đủ chính sách của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất.

[3.4] Đối với Quyết định số 4729/QĐ-UBND, ngày 04/8/2020 của Chủ tịch UBND huyện Đ về cưỡng chế thu hồi đất, thấy: Như đã phân tích ở trên, thì việc thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất của UBND huyện Đ đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật, nhưng do ông L không tự nguyện bàn giao đất để GPMB cho dự án, mặc dù đã được truyên truyền, vận động gia đình ông L nhận tiền hỗ trợ và bàn giao mặt bằng, nhưng gia đình vẫn không thực hiện, nên ngày 4/8/2020 Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 4729/QĐ-UBND cưỡng chế về việc thu hồi đất là đúng thẩm quyền đúng trình tự thủ tục đúng pháp luật.

[4] Xét các quyết định hành chính có liên quan, bao gồm: Quyết định số 2504/QĐ-UBND ngày 27/5/2019 về việc kiểm đếm bắt buộc; Quyết định số 8078/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 về việc cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc; Quyết định số 792/QĐ-UBND ngày 7/2/2020 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại: Như đã phân tích ở trên, việc thu hồi đất UBND huyện Đ đã thực hiện đầy đủ các trình tự, thủ tục theo đúng quy định của

pháp luật, nhưng do hộ gia đình ông L không hợp tác với Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng trong quá trình kiểm đếm, xác định đất và tài sản trên đất, nên UBND huyện Đ đã ban hành quyết định kiểm đếm bắt buộc, cũng như quyết định cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc để thực hiện cho công tác thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện dự án là có căn cứ. Do ông L không đồng ý với các quyết định cưỡng chế bắt buộc, nên đã có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND huyện Đ. Sau khi nhận được đơn khiếu nại, Chủ tịch UBND huyện Đ đã tiến hành thụ lý đơn khiếu nại, tiến hành xác minh nội dung khiếu nại, đối thoại với người khiếu nại. Căn cứ vào kết quả xác minh, như đã phân tích ở trên thì việc khiếu nại của ông Nguyễn Cao L không có căn cứ, nên Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 792/QĐ-UBND ngày 07/02/2020 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 18, 27, 28, 29, 31 Luật Khiếu nại năm 2011.

Tổng hợp các phân tích trên, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ; quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, đã xem xét đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của các bên đương sự; tại cấp phúc thẩm không có thêm tình tiết gì mới, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người kháng cáo; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[5] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính;

1. Bác kháng cáo của ông Nguyễn Cao L và bà Trần Thị H; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 97/2023/HC-ST ngày 24/5/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Cao L và bà Trần Thị H mỗi người phải chịu 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà ông, bà đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001967 và số 0001966, cùng ngày 24/7/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội, xác nhận ông L, bà H đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- Cục THADS Thành phố Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án, phòng HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Duy Nhiệm